TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 03-8-2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thế Thị Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm.

2. Ông Lương Thanh Nhàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 278/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Hồng N, sinh năm 1986 (có mặt).
Địa chỉ: Tổ 1, khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.
- Bị đơn: Ông Vương Chí Q, sinh năm 1984 (vắng).
Địa chỉ thường trú : 167 khu phố Đông Tư, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương.
Địa chỉ tạm trú : Khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 08/3/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phan Thị Hồng N trình bày:

Qua thời gian tìm hiểu, bà N và ông Q có tổ chức đám cưới và sống chung với nhau năm 2012; có đăng ký kết hôn vào ngày 21/8/2012 tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là phường M, thị xã B). Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc.

Sau một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Ông Q tính tình nóng nảy, cọc cằn, thô lỗ. Bà N chịu đựng và nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông Q không thay đổi. Ông Q còn hay ghen tuông vô cớ xúc phạm bà N. Từ đó dẫn đến tình cảm của bà N đối với ông Q càng ngày càng mất đi. Bà N đã cố gắng rất nhiều để giữ hạnh phúc gia đình nhưng ông Q vẫn không thay đổi. Từ đó, bà N và ông Q không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay bà N không còn tình cảm với ông Q, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu ly hôn với ông Q.

Về con chung: Bà N và ông Q có 02 con chung là cháu Vương Khải A1 sinh ngày 11/02/2017 và cháu Vương Nguyên A2, sinh ngày 21/4/2019. Bà N yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng nuôi con. Các cháu A1 và A2 hiện còn nhỏ cần bà N chăm sóc, nuôi dưỡng, bà N hiện kinh doanh lò bún thu nhập đủ nuôi dưỡng tốt 02 con. Theo đơn khởi kiện bà N yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 3.000.000 đồng. Nay bà N rút lại yêu cầu này, không yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn ông Vương Chí Q có ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án :

Ông Q và bà N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 21/8/2012 tại UBND thị trấn M, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát).

Từ khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc như những gia đình khác. Tuy đôi lúc có xích mích mâu thuẫn nhưng cũng là những mâu thuẫn thường gặp của đời sống vợ chồng, vợ chồng vẫn hạnh phúc. Vợ chồng chỉ mâu thuẫn nhiều là khoảng hơn nửa năm nay do bà N hay đi gặp gỡ giao tiếp nhiều người nên ông Q ghen có lời lẽ xúc phạm bà N. Khi ông Q hỏi lý do bà N hay đi thì bà N trả lời là đi giao tiếp làm ăn nhưng ông Q nghi ngờ có ghen tuông. Vì vậy nên vợ chồng có sự xa cách, tình cảm có phai nhạt đi. Trước đây thì ông Q có ham mê uống rượu và nóng tính để cho bà N phải buồn nhưng nay ông Q đã sửa đổi, bớt uống rượu. Ông Q biết là ông Q làm cho bà N buồn rồi gửi đơn ly hôn. Tuy nhiên tình cảm của ông Q với bà N vẫn còn, ông Q không muốn ly hôn gia đình tan vỡ, con cái thiệt thòi. Ông Q hứa từ nay sẽ chăm chỉ làm ăn, sửa đổi để bà N không buồn. Ông Q không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án bác yêu cầu ly hôn của bà N.

Về con chung: Ông Q và bà N có 02 con chung là Vương Khải A1, sinh ngày 11/02/2017 và Vương Nguyên A2, sinh ngày 21/4/2019. Không đồng ý ly hôn do vậy về con chung ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đồng ý ly hôn do vậy ông Q không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát :

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật các bên tranh chấp là tranh chấp về ly hôn, nuôi con; bị đơn cư trú tại khu phố 2, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Hồng N và ông Vương Chí Q có đăng ký kết hôn vào ngày 21/8/2012 tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là phường M, thị xã B). Hôn nhân tự nguyện, do đó hôn nhân giữa bà N và ông Q là hợp pháp.

Bà N yêu cầu ly hôn do sau một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Ông Q tính tình nóng nảy, cọc cằn, thô lỗ. Bà N chịu đựng và nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông Q không thay đổi. Từ đó dẫn đến tình cảm của bà N đối với ông Q càng ngày càng mất đi. Bà N đã cố gắng rất nhiều để giữ hạnh phúc gia đình nhưng ông Q vẫn không thay đổi. Từ đó, bà N và ông Q không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay bà N không còn tình cảm với ông Q, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu ly hôn với ông Q.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/3/2022 ông Q thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn nhiều là khoảng hơn nửa năm nay do bà N hay đi gặp gỡ giao tiếp nhiều người nên ông Q ghen có lời lẽ xúc phạm bà N. Ông Q có ham mê uống rượu và nóng tính để cho bà N phải buồn. Vì vậy nên vợ chồng có sự xa cách, tình cảm có phai nhạt đi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông Q đến tham gia hòa giải đoàn tụ, tham gia tố tụng cũng như tham gia phiên tòa nhưng ông Q không tham gia. Điều này cho thấy ông Q không quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không muốn hàn gắn với bà Nguyên.

Như vậy, mâu thuẫn giữa bà N và ông Q đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì hôn nhân, do đó yêu cầu ly hôn của bà N là có căn cứ và được chấp nhận.

Về con chung: Bà N và ông Q có 02 con chung là cháu Vương Khải A1 sinh ngày 11/02/2017 và cháu Vương Nguyên A2, sinh ngày 21/4/2019. Các cháu A1 và A2 còn nhỏ cần bà N chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà N hiện kinh doanh lò bún thu nhập đủ nuôi dưỡng tốt 02 con. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của bà N giao cháu A1 và A2 cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con do bà N không có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết và ông Q cũng không có ý kiến gì vấn đề này nên không xem xét giải quyết.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà N phải chịu theo quy định pháp luật.

[4] Các đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Hồng N đối với bị đơn ông Vương Chí Q về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con"; bà Phan Thị Hồng N được ly hôn với ông Vương Chí Q.

2. Về con chung: Giao cháu Vương Khải A1, sinh ngày 11/02/2017 và cháu Vương Nguyên A2, sinh ngày 21/4/2019 cho bà Phan Thị Hồng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông Vương Chí Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà N và ông Q đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, ông Q được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không xem xét giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Phan Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số: AA/2021/0004965 ngày 17/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương;
- Lưu: HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Thế Thị Ngọc Anh